

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 167/2023/ HS-PT
Ngày: 27/09/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần M L**

Các thẩm phán: Ông **Bùi Trọng Danh**

Bà **Dương Thị Hồng M**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Vũ Tùng Lâm** - Thư ký TAND Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông **Lương Hồng M** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 09 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 143/2023/TLPT-HS ngày 23 tháng 08 năm 2023 đối với các bị cáo Ông Tiến C, Bùi Đức T, Nguyễn Phi H, Trần Ngọc T, Lê Trung A do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2023/HS-ST ngày 20 tháng 07 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Bị cáo có kháng cáo:

1/ Ông Tiến C, sinh ngày xx tháng xx năm xxxx, tại Đà Nẵng; Nơi cư trú: Tổ xx phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ông Tiến N (sinh năm xxxx) và bà Bùi Thị C (sinh năm xxxx); Có vợ là: Nguyễn Hồng N (sinh năm xxxx) và 02 con lớn nhất sinh năm xxxx nhỏ nhất sinh năm xxxx; Tiền án: Ngày 30/08/2018 bị Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xử phạt 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại Bản án số 58/2018/HSST, chấp hành án xong trở về địa phương ngày 30/04/2020; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 26/09/2013 bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt 15 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án số 213/2013/HSPT. Bị cáo hiện đang chấp hành biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2/ Bùi Đức T, sinh ngày xx tháng xx năm xxxx, tại Đà Nẵng; Nơi ĐKNTTT: Thôn H, xã Hòa L, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng; Nơi cư trú: Thôn A, xã Hòa S,

huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Đức N (sinh năm xxxx) và bà Phan Thị O (sinh năm xxxx); Có vợ là: Trần Thị Quỳnh N (sinh năm xxxx) và 03 con lớn nhất sinh năm xxxx nhỏ nhất sinh năm xxxx; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 10/06/2007 bị Công an huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 03/QĐ-XPHC. Ngày 11/01/2011 bị Công an huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xử phạt vi phạm hành chính 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 03/QĐ-XPHC. Bị cáo hiện đang chấp hành biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

3/ Nguyễn Phi H, sinh ngày xx tháng xx năm xxxx, tại Thái B; Nơi cư trú: Tổ xx, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Bá H (đã chết) và bà Nguyễn Thị T (sinh năm xxxx); Có vợ là: Lê Thị T (sinh năm xxxx) và 02 con lớn nhất sinh năm xxxx nhỏ nhất sinh năm xxxx; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang chấp hành biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

4/ Trần Ngọc T, sinh ngày xx tháng xx năm xxxx, tại Đà Nẵng; Nơi cư trú: Thôn H, xã Hòa L, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần H (sinh năm xxxx) và bà Phạm Thị T (sinh năm xxxx); Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 30/10/2019, bị Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xử phạt 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” nhưng cho hưởng án treo tại Bản án số 117/2019/HS-ST. Bị cáo hiện đang chấp hành biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

5/ Lê Trung A, sinh ngày xx tháng xx năm xxxx, tại Đà Nẵng; Nơi cư trú: Thôn X, xã Hòa S, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn H (sinh năm xxxx) và bà Nguyễn Thị Thanh T (sinh năm xxxx); Có vợ là: Nguyễn Thị Mỹ L và 02 con lớn nhất sinh năm xxxx và nhỏ nhất sinh năm xxxx; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang chấp hành biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Mạnh H ngày 02/08/2023 cũng có đơn kháng cáo, nhưng trước khi mở phiên tòa vào ngày 11 tháng 09 năm 2023 bị cáo Nguyễn Mạnh H đã có đơn xin rút toàn bộ đơn kháng cáo; Tòa án nhân dân TP Đà Nẵng đã có Thông báo số 02/TB-TA ngày 11/09/2023 về việc bị cáo Nguyễn Mạnh H rút đơn kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đêm 18/10/2021, Bùi Đức T, Nguyễn Phi H, Dương Văn M và vợ là Huỳnh Thị Ngọc B, Ông Tiến C, Đặng Bá Huỳnh T, Trần Ngọc T, Lê Trung A, Nguyễn Mạnh H, Phạm H, Hồ Tấn C và một số người khác tổ chức ăn uống tại quán làng bia ở khu vực trước quận L, thành phố Đà Nẵng. Sau đó, cả nhóm rủ nhau về quán T do Bùi Đức T làm chủ để nhậu tiếp.

Khi về đến quán T, cả nhóm đi vào phòng lạnh để hát karaoke và nhậu tiếp, riêng Nguyễn Mạnh H và bạn gái (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) chưa vào trong mà đứng ngoài để nói chuyện. Do trước đó Dương Văn M và vợ là Huỳnh Thị Ngọc B mâu thuẫn cãi nhau nên khi vào phòng lạnh được khoảng 10 phút thì M đưa vợ về bằng xe ô tô biển kiểm soát 43A-534.54. Trên đường về cả hai tiếp tục cãi nhau nên khi đến đoạn đường ngã ba Hòa S trước Ủy ban nhân dân xã Hòa Sơn thì B nói M dừng xe lại để tự đi bộ về nhà.

Cùng lúc này, anh Nguyễn Tiến D (Công an xã Hòa Sơn) đang ăn uống cùng với ông Lê Hoài T và Lê Văn C tại một quán gần ngân hàng A trên đường D thuộc xã Hòa S, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng, thì ông T về trước. Trên đường về, khi đi ngang qua quán cà phê W ở phía đối diện với Ủy ban nhân dân xã Hòa Sơn thì T phát hiện xe ô tô, màu trắng biển kiểm soát 43A-xxx.xx của Dương Văn M đỗ giữa đường, nghi ngờ gây tai nạn nên T dừng lại hỏi “có chuyện gì không em” thì lúc này do M đang bức tức, chửi bới vợ nên lớn tiếng nói “không phải việc của mi, chuyện nhà ta! Cút”. Sau đó, M lái xe trúng phải trụ điện ven đường rồi quay xe về hướng quán T để nhậu tiếp còn B gọi điện thoại cho người nhà đến đón về. Lúc này, T điện thoại báo cho D biết để chạy lên, đồng thời điều khiển xe mô tô đi theo sau xe ô tô của M đến quán T.

Khi đến trước quán nhậu T tại thôn A, xã Hòa S, huyện Hòa V thì M điều khiển xe ô tô đỗ vào lề đường dừng lại trước quán, lúc này M vẫn đang ngồi trên xe còn T điều khiển xe mô tô của mình đến trước quán thì lúc này Lê Văn C cũng vừa chở Nguyễn Tiến Đến. Cả ba đứng trước cổng vào quán nhậu Tây Bắc, Nguyễn Mạnh H cùng bạn gái đang đứng trước quán để nói chuyện thì nghe thấy T nói với M: “mi biết ta là ai không, ta là công an đây, mi là cái gì mà nói ta cút” thì M trả lời “ai nói chi mô”. T tiếp tục đi vào trong quán để tìm và nói cho Bùi Đức T biết về việc M gây tai nạn rồi bỏ chạy. Lúc này, Bùi Đức T trên tay đang cầm xô nước đá để uống bia thấy T vào quán lớn tiếng nên đi ra hỏi chuyện gì thì giữa T1 và T có lời qua tiếng lại, cãi vả lẫn nhau. Sau đó, T1 dùng tay tát vào mặt của T, T bỏ đi ra trước cổng thì T1 dùng tay nắm cổ áo. Thấy vậy, Dương Văn M đi đến dùng tay kẹp cổ. Trần Ngọc T, Nguyễn Thái L đang ngồi nhậu trong quán nghe ồn ào nên chạy ra trước quán xông đến dùng tay, chân đánh T.

Thấy T bị đánh, Lê Văn C vào can ngăn nên nhóm người trên thả ra thì T và C bỏ đi về nhà. Lúc này, D xưng mình là cán bộ Công an xã Hòa Sơn thì T1 quay sang hỏi “Tụi bây là ai mà đến đây quậy, nếu là công an thì công an gì, thẻ ngành đâu”, D trả lời “em không phải đi làm nhiệm vụ”. Nghe vậy thì T1 dùng tay nắm cổ áo đẩy D sang phía bãi cát đối diện trước quán T. Tiếp đó, Nguyễn Phi H, Nguyễn Thái L, Trần Ngọc T, Lê Trung A liền chạy theo đi đến đứng vây quanh D giằng co, xô xát. Lúc này, Ông Tiến C là bạn của Nguyễn Thái L đang ngồi nhậu trong phòng lạnh không thấy L ở đâu nên đi ra ngoài tìm thấy T1 và L đang cãi nhau với D nên C liền nhặt một vỏ chai thủy tinh đập xuống đường bẻ phần đáy rồi chạy sang “quờ” ngang một cái theo hướng từ trái sang phải vào vùng thắt lưng của D. Đặng Bá Huỳnh T đang nghe điện thoại gần đó cùng với Nguyễn Thái L thấy hành động của C nên liền can ngăn, kéo C quay lại quán T1 rồi bỏ về theo hướng cổng sau. Sau khi Nguyễn Tiến D bị vật sắc nhọn đâm sau lưng nên la lên thì T1 kéo D ra và nói “Tụi bây tránh ra để anh giải quyết”, đồng thời tiếp tục dùng tay nắm cổ áo kéo D đi dọc lòng đường về phía Ủy ban nhân dân xã Hòa Sơn, cùng lúc này Trần Ngọc T, Lê Trung A, Nguyễn Mạnh H, Nguyễn Phi H chạy theo dùng tay đánh vào người và mặt D thì D bỏ chạy về và đến Trung tâm y tế xã Hòa Sơn sơ cứu.

+ Tang vật thu giữ:

- 01 xe ô tô hiệu Hyundai Tucson, màu trắng, biển kiểm soát 43A-xxx.xx và 01 giấy chứng nhận đăng ký số xxxxxx mang tên Dương Văn N (sinh năm: xxxx, trú Thôn H, xã Hòa L, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng).

- 01 xe ô tô hiệu Mercedes E300, màu đỏ, biển kiểm soát 43A-xxx.xx và 01 giấy chứng nhận đăng ký số xxxxxx mang tên Đào Thị Ngọc A (sinh năm: xxxx, trú: tổ x, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng).

- 03 mảnh thủy tinh màu xanh, 14 mảnh vỡ thủy tinh trong suốt.

- 01 chiếc áo thun nam, màu đen, nhãn hiệu DRI-FIT.

+ Tại Bản kết luận giám định pháp y về T tích số: 183, ngày 26/10/2021 của Trung tâm pháp y thành phố Đà Nẵng xác định Lê Hoài T bị thương tích như sau:

- Vùng mặt phải sưng nề, bầm máu màu tím, kết mạc mắt cương tụ máu màu đỏ (H1).

- Vùng cằm phải có vết xay xát da, kích thước 02cm x 1,5cm; trên nên xây xát da có vết rách da nông đang tạo vảy, kích thước 1,5 cm x 0,1 cm (H2).

- Mề răng R18 bên phải (H3).

- Vùng cổ phải có hai vết chọt da nhỏ đang lành tạo vảy (H4).

- Vùng cổ trái có ba vết chọt da nhỏ đang lành tạo vảy (H5).

Tỷ lệ thương tích của Lê Hoài T, xác định như sau:

- Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tổn thương phần mềm gây nên hiện tại 03%.

- Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tổn thương mẻ răng hàm số 8 (R18) gây nên hiện tại là 01%.

- Cơ chế hình thành thương tích: các tổn thương trên là do ngoại lực tác động trực tiếp, trên cơ thể có nhiều tổn thương, tính chất đặc điểm của các tổn thương khác nhau nên không xác định được vật gây thương tích.

+ Tại Bản kết luận giám định pháp y về T tích số: 184/TgT ngày 26/10/2021 của Trung tâm pháp y thành phố Đà Nẵng xác định Nguyễn Tiến D bị thương tích như sau:

- Vùng góc trán trái có vết bầm máu không liên tục, kích thước 2,5cm x 01cm (H1).

- Mi dưới mắt trái bầm tím, sung nề, kết mạc và giác mạc không sung huyết, không tụ máu, đồng tử đáp ứng ánh sáng (H2).

- Vùng thắt lưng - hông (lệch nhiều về bên trái) có 03 vết thủng da, kích thước trung bình mỗi vết là 01cm x 0,2cm và có 05 vết xước da đang tạo vảy (vết xước da dài nhất 1,5cm, vết nhỏ nhất dài 0,5cm) (H3).

Tỷ lệ thương tích Nguyễn Tiến D xác định như sau:

- Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 03%.

- Cơ chế hình thành thương tích: các T tích trên là do ngoại lực tác động trực tiếp, trên cơ thể có nhiều tổn thương khác nhau nên không xác định được vật gây thương tích.

Tại Công văn số: 82/TTPY-GĐTH ngày 06/12/2021 của Trung tâm pháp y TP. Đà Nẵng về việc xác định vật gây thương tích để giải thích kết luận giám định số: 184/TgT ngày 26/10/2021 kết luận:

Liên quan giữa tổn thương và vật gây thương tích:

- Các tổn thương trên cơ thể của Nguyễn Tiến D là do ngoại lực tác động trực tiếp.

- Vết bầm máu vùng góc trán trái và vết sung nề, bầm tím mi dưới mắt trái phù hợp với vật tày gây nên.

- Các vết thủng da và xước da vùng thắt lưng - hông bên trái phù hợp với vật sắc nhọn nên cũng có thể gây nên các tổn thương này”

- Theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể do các thương tích (các vết thủng da và xước da vùng thắt lưng - hông bên trái) gây nên hiện tại là 03% (ba phần trăm).

- Vết bầm máu vùng góc trán và vết sung nề, bầm tím mi dưới mắt trái. Theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế không quy định tỷ lệ cho các thương tích này”

+ Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Tiến D không có yêu cầu bồi thường.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2023/HS-ST ngày 20/07/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

- Căn cứ điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Xử phạt: Bị cáo Ông Tiến C 15 (*mười lăm*) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/10/2022.

- Căn cứ điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Xử phạt: Bị cáo Bùi Đức T 15 (*mười lăm*) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Căn cứ điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Phi H 12 (*mười hai*) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Căn cứ điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc T 12 (*mười hai*) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính ngày bắt giam thi hành án.

- Căn cứ điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Xử phạt: Bị cáo Lê Trung A09 (*chín*) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt 15 tháng tù đối với bị cáo Nguyễn Mạnh H theo điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự (bị cáo H có kháng cáo nhưng trước khi mở phiên tòa đã rút đơn kháng cáo); quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

- Ngày 02/08/2023, bị cáo Ông Tiến C có đơn kháng cáo với nội dung: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để có điều kiện hòa nhập cộng đồng và lo cho gia đình.

- Ngày 01/08/2023, bị cáo Bùi Đức T có đơn kháng cáo và ngày 09/08/2023 có đơn kháng cáo bổ sung với nội dung: Án sơ thẩm xử nặng, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, xem xét áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Ngày 23/07/2023, bị cáo Nguyễn Phi H có đơn xin cứu xét và ngày 01/08/2023 có đơn kháng cáo với nội dung: Án sơ thẩm xử nặng, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, xem xét áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Ngày 02/08/2023, bị cáo Trần Ngọc T có đơn kháng cáo với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 02/08/2023, bị cáo Lê Trung A có đơn kháng cáo với nội dung: Bị cáo xin được hưởng án treo để có điều kiện giúp đỡ cha mẹ và chăm sóc con cái.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo Ông Tiến C, Trần Ngọc T tự nguyện rút đơn kháng cáo.

- Các bị cáo Bùi Đức T, Nguyễn Phi H, và Lê Trung A thừa nhận hành vi mà bản án sơ thẩm kết luận là đúng, thừa nhận Tòa án cấp sơ thẩm kết tội các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” là đúng; nhưng các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét tính chất, mức độ tham gia phạm tội của các bị cáo, xem xét về tỷ lệ thương tích là anh D là không lớn, chủ yếu là do bị cáo C dùng đít chai gây nên; bị cáo T1 trình bày có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng, bị cáo cho rằng bị cáo là người can ngăn và đưa anh D về chứ không phải anh D tự thoát ra chạy về; bị cáo không có ý thức túm giữ anh D để cho các bị cáo khác đánh anh D mà bị cáo chỉ muốn can ngăn; trong quá trình sinh sống bị cáo đã thực hiện nhiều lần thiện nguyện, giúp đỡ địa phương, đặc biệt có nhiều đóng góp trong đợt dịch bệnh Covid19 diễn ra được nhiều cơ quan ban ngành địa phương ghi nhận, hoàn cảnh hiện nay của bị cáo rất khó khăn cha mẹ già yếu đau ốm thường xuyên, là lao động chính nuôi vợ và 3 con; bị cáo Phi H trình bày nhân thân chưa có tiền án tiền sự, lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng, hoàn cảnh khó khăn, hiện có mẹ già neo đơn già yếu ở quê Thái B, là lao động chính trong gia đình phải nuôi vợ và 2 con chưa thành niên, trước đây bị cáo có thời gian 12 năm phục vụ trong quân đội sau xin ra khỏi ngành, có được tặng thưởng huy chương chiến sĩ về vang hạng 3 (nhưng đã bị thất lạc quyết định và huy chương); bị cáo Trung A trình bày là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là lao động chính trong gia đình nuôi vợ và 2 con chưa thành niên; các bị cáo T1, Phi H và Trung A giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo; bị cáo T1 và Phi H xin được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ; bị cáo Trung Axin được hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2023/HS-ST ngày 20/07/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã xét xử các bị cáo Ông Tiến C, Bùi Đức T, Nguyễn Phi H, Trần Ngọc T và Lê Trung A về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

+ Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo C và bị cáo T2 tự nguyện rút kháng cáo nên đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo này.

+ Đối với kháng cáo của bị cáo T1, Phi H và Trung A; đại diện Viện kiểm sát cho rằng: Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe của bị hại; tuy tỷ lệ thương tích của bị hại 3% là không lớn nhưng hành vi của các bị cáo có tính chất côn đồ và có dùng hung khí nguy hiểm để gây thương tích; hành vi của các bị cáo là coi thường pháp luật, coi thường sức khỏe của người khác, gây xôn xao trong dư luận, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương; các mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo T1, Phi H và Trung A là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật; nên

đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của 3 bị cáo này, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo T1, Phi H và Trung A đều xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm các bị Ông Tiến C, Bùi Đức T, Nguyễn Phi H, Trần Ngọc T và Lê Trung A đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, nên HĐXX có cơ sở khẳng định: Vào khoảng 22 giờ ngày 18/10/2021, tại quán nhậu T do Bùi Đức T làm chủ (Thôn A, xã Hòa S, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng) thì Bùi Đức T, Ông Tiến C, Nguyễn Mạnh H, Nguyễn Phi H, Trần Ngọc T, Lê Trung A có xảy ra xích mích, nói qua lại với anh Nguyễn Tiến D và anh Lê Hoài T. Sau khi Bùi Đức T1, Dương Văn M, Trần Ngọc T và Nguyễn Thái L dùng tay chân đánh gây thương tích cho anh T tỷ lệ 4% (anh T có đơn xin rút yêu cầu khởi tố vụ án). Sau đó, mặc dù đã được anh Nguyễn Tiến D xưng là Công an xã vào can thiệp, bị cáo T1 đã có hành vi tóm giữ cổ áo của anh D lôi đi; bị cáo C dùng một chai thủy tinh đập bể phần đáy rồi đâm vào vùng ngang thắt lưng của anh D; các bị cáo Mạnh H, Phi H, Ngọc T2, Trung A tiếp tục vây xung quanh anh D dùng tay, chân đánh đá vào người anh D, sau đó anh D chạy thoát đến Trung tâm y tế xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang sơ cứu. Hành vi của các bị cáo đã gây ra thương tích 3% cho anh D (anh D có đơn yêu cầu khởi tố vụ án).

Vì vậy, bản án hình sự sơ thẩm số 61/2023/HS-ST ngày 20/07/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã xét xử các bị cáo C, Mạnh H, T1, Phi H, Ngọc Tuấn, Trung A về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Ông Tiến C và Trần Ngọc T rút đơn kháng cáo; xét việc rút đơn kháng cáo của các bị cáo là tự nguyện, không bị ép buộc; nên căn cứ Điều 342 và 348 Bộ luật tố tụng Hình sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo này.

[3] Xét đơn kháng của các bị cáo Bùi Đức T, Nguyễn Phi H, Lê Trung A, HĐXX thấy rằng: Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ; mặc dù giữa các bị cáo và bị hại đều không có quen biết từ trước và không có bất kì mâu thuẫn nào, đã được anh D xưng là Công an xã nhưng các bị cáo vẫn cố tình dùng tay chân và đít chai tác động lên thân thể gây T tích cho anh D; trong đó bị

cáo C là người dùng dùi chai đâm vào vùng ngang thắt lưng của anh D; sau khi C đâm anh D thì các bị cáo Mạnh H, Phi H, Ngọc T và Trung A vẫn tiếp tục dùng tay chân đánh đá vào cơ thể của anh D, còn bị cáo T1 từ đầu đến cuối vẫn luôn túm giữ cổ áo của anh D để cho các bị cáo khác đánh anh D; tuy tỷ lệ thương tích của bị hại 3% là không lớn; nhưng đây là vụ án đồng phạm, mặc dù các bị cáo không có sự bàn bạc từ trước về việc xâm hại sức khỏe của anh D, nhưng các đối tượng trong vụ án đã có hành vi tiếp nhận ý chí của nhau, tiếp nhận ý chí của Bùi Đức T, cùng cố ý xâm phạm đến thân thể, sức khỏe của anh D mặc dù anh D đã xưng là Công an, trước khi C dùng dùi chai bia đâm anh D thì Bùi Đức T đã có hành vi túm cổ áo anh D để cho các đối tượng Phi H, Mạnh H, Trung A, T2 dùng tay chân đánh anh D; sau khi C dùng dùi chai bia đâm anh D, các đối tượng trên đứng xung quanh gần đó, T1 có nói “Tụi bây tránh ra để anh giải quyết”, nhưng T1 vẫn nắm giữ cổ áo của anh D lôi đi để cho các đối tượng này dùng tay chân đánh vào người và mặt của anh D. Như vậy, hậu quả thương tích của anh D là một chuỗi hành vi của các đối tượng có liên quan, mà trong đó T1 là người không chửi anh D để các đối tượng trong nhóm đánh gây thương tích cho anh D, hành vi của bị cáo này thể hiện sự tiếp nhận ý chí và hỗ trợ cho hành vi của các bị cáo khác; do vậy các bị cáo phải cùng chịu trách nhiệm hình sự đối với hậu quả chung của vụ án; hành vi của các bị cáo là đồng phạm có tính chất côn đồ và dùng hung khí nguy hiểm để gây thương tích; hành vi này là coi thường pháp luật, coi thường sức khỏe của người khác, gây xôn xao trong dư luận, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo C, Mạnh H, T2 còn là người có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án xử phạt tù và bị cáo T1 đã từng bị xử phạt hành chính; do đó cần xử phạt nghiêm. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo là cần thiết để răn đe, giáo dục các bị cáo và để phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, vai trò, mức độ phạm tội của từng bị cáo; xử phạt bị cáo T1 15 tháng tù; xử phạt bị cáo Phi H 12 tháng tù; xử phạt bị cáo Trung A 09 tháng tù là có căn cứ, phù hợp. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo Trung A không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới; các tình tiết thuộc về nhân thân và điều kiện hoàn cảnh gia đình mà bị cáo Phi H trình bày đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS; bị cáo T1 và bị cáo Phi H khi xét xử sơ thẩm không nhận tội, nhưng khi xét xử phúc thẩm đã thừa nhận tội chỉ có đề nghị xem xét tính chất mức độ phạm tội nên được áp dụng thêm điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; bị cáo T1 có các tình tiết giảm nhẹ mới thuộc về nhân thân và hoàn cảnh gia đình được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS; nhưng xét các mức hình phạt trên đối với 3 bị cáo T1, Phi H và Trung A là tương xứng, trong khung hình phạt Điều luật quy định; nên

HĐXX không chấp nhận kháng cáo của cả 3 bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Do không được chấp nhận kháng cáo, nên các bị cáo T1, Phi H và Trung A phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo C và bị cáo T2 rút kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 342 và Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo Ông Tiến C và Trần Ngọc T; Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2023/HS-ST ngày 20 tháng 07 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng có hiệu lực thi hành đối với các bị cáo này.

2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Đức T1, Nguyễn Phi H, và Lê Trung A; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Căn cứ điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Xử phạt: Bị cáo Bùi Đức T 15 (*mười lăm*) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Căn cứ điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Phi H 12 (*mười hai*) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Căn cứ điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Xử phạt: Bị cáo Lê Trung A09 (*chín*) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính ngày bắt giam thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo Bùi Đức T, Nguyễn Phi H, và Lê Trung A, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Ông Tiến C và Trần Ngọc T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Đà Nẵng;
- Phòng HSNV – CA Tپ Đà Nẵng;
- VKSND huyện Hòa Vang
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang
- CQCSĐT Công an huyện Hòa Vang;
- Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang;
- Vụ GDKT I – TAND tối cao;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Long

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hồng Minh Bùi Trọng Danh

Trần Minh Long

